

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2017
V/v ly hôn giữa anh T và chị G

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Sỹ Trinh

Ông Đào Xuân Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T; sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp M, xã H, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng G; sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp M, xã H, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và tại bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thành T trình bày:

Anh Nguyễn Thành T và chị Lê Thị Hồng G chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2005 quyển số 02 ngày

10/01/2006). Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do chị G không quan tâm, chăm sóc gia đình. Hiện tại hai vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, từ khi ly thân hai vợ chồng anh chị không còn quan tâm nhau nữa. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị G.

Quá trình chung sống anh T, chị G có 02 con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 12/7/2001 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/01/2007. Hiện nay 02 con đang ở với anh T. Cả 02 con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2017, bị đơn chị Lê Thị Hồng G trình bày:

Chị G và anh T chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại hai vợ chồng đã ly thân từ khoảng 01 năm nay, từ khi ly thân anh chị không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 12/7/2001 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/01/2007. Hiện nay con đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị G không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài phát biểu quan điểm:

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Do các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Căn cứ vào sự thừa nhận của cả anh T và chị G thể hiện cuộc sống chung có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều thuận tình ly hôn và hiện tại đã ly thân với nhau. Do đó cần chấp thuận cho anh T được ly hôn với chị G.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị G có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 12/7/2001 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/01/2007. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh T, anh T yêu cầu được nuôi 02 con, chị G đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được sống với anh T. Vì vậy, cần giao 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 12/7/2001 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/01/2007 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành T và bị đơn chị Lê Thị Hồng G đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị G là phù hợp.

Bị đơn chị Lê Thị Hồng G hiện đang cư trú tại ấp M, xã H, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T và chị G chung sống và có đăng ký kết hôn. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn với chị G, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Xét yêu cầu khởi kiện trên thì anh T có quyền được yêu cầu xin ly hôn chị G theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và vụ án có quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị G tự nguyện chung sống với nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh T và chị G đều thừa nhận sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hai vợ chồng anh chị đã ly thân 01 năm nay. Trong thời gian đó cả hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ gì lẫn nhau, anh T khẳng định mình không còn tình cảm với vợ và vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và chị G cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh chị đã không còn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 12/7/2001 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/01/2007. Hiện nay các cháu đang ở với anh T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Chị G cũng đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, nguyện vọng của 02 cháu là được sống cùng với anh T nên cần giao 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh T và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh T và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 56, các Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành T.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Thành T được ly hôn với chị Lê Thị Hồng G.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 12/7/2001 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/01/2007 cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không xem xét giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002210 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Anh T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thành T và chị Lê Thị Hồng G được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- CCTHADS thị xã Đồng Xoài;
- UBND xã Tiến Hưng, txĐX, BP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hương Giang